

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường Trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	127	31	50	46
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	94.5	96.8	88.0	100
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.5	3.2	12.0	0
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học viên chia theo học lực	127	31	50	46
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	11.8	0	2.0	30.4
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.1	25.8	22.0	69.6
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	44.9	71.0	70.0	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3.2	3.2	6.0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	127	31	50	46
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	11.8	0	2.0	30.4
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	40.1	25.8	22.0	69.6
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.4	3.2	4.0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/ đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	0.8	0	2.0	0
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	45	0	0	45
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	44	0	0	44
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VI	Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				26.0
VII	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)				

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phương Thảo